

**BAN CHỈ ĐẠO
VỀ TỔNG KẾT THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 18-NQ/TW
CỦA CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37 /CV-BCĐTKNQ18
V/v báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết
số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của
Ban Chấp hành Trung ương khóa XII

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025, để chuẩn bị báo cáo của Đảng ủy Chính phủ về kết quả thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng báo cáo theo đề cương kèm theo. Báo cáo của các Bộ, ngành, cơ quan (kèm file word, excel) đề nghị gửi đến Bộ Nội vụ **trước ngày 09/3/2025** để tổng hợp, xây dựng Báo cáo của Đảng ủy Chính phủ.

Bộ Nội vụ đề nghị các Bộ, ngành, địa phương quan tâm, thực hiện đúng yêu cầu và thời hạn nêu trên. / 

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, các PTTgCP (để b/c);
- Các Thành viên BCĐ của Chính phủ;
- VPCP: BTCN, Vụ TCCV;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng;
- TTr. Vũ Chiến Thắng;
- Lưu: VT, TCBC.

**KT. TRƯỞNG BAN
ỦY VIÊN BAN CHỈ ĐẠO**



**BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
Phạm Thị Thanh Trà**



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

**Về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017
của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII**

Nêu khái quát đặc điểm tình hình của cơ quan, đơn vị, địa phương; những thuận lợi, khó khăn, nhất là những nội dung tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến việc quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.

I. TỔ CHỨC QUÁN TRIỆT, TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT

Báo cáo, đánh giá khái quát những vấn đề nổi bật trên một số nội dung chủ yếu sau: Việc học tập, quán triệt, tuyên truyền; cụ thể hóa, thể chế hóa, kiểm tra, sơ kết việc thực hiện Nghị quyết, Kế hoạch của Trung ương.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN VIỆC SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY

Báo cáo kết quả thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy ở cơ quan, đơn vị, địa phương mình, trong đó làm rõ:

1. Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh gọn đầu mối bên trong trong thời gian qua, nhất là từ sau khi có Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

2. Khó khăn, vướng mắc phát sinh (nếu có)

3. Đánh giá chung

3.1. Ưu điểm, nguyên nhân (chủ quan và khách quan)

3.2. Hạn chế, nguyên nhân (chủ quan và khách quan)

3.3. Bài học kinh nghiệm (những kinh nghiệm hay, cách làm mới, hiệu quả)

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 121-KL/TW

Nêu các nội dung, nhiệm vụ, tiến độ thời gian và phân công tổ chức thực hiện.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

PHỤ LỤC SỐ 01
KẾT QUẢ SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Công văn số 37/CV-BCĐTKNQ18 ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ)

I. SỐ LIỆU VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC TRƯỚC VÀ SAU TÍNH GỌN TỔ CHỨC BỘ MÁY

1. Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

STT	Loại hình	Số lượng		Số lượng tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm (%)
		Trước tính giản	Sau tính giản		
1	Tổng cục và tương đương thuộc Bộ, ngành				
2	Cục và tương đương thuộc Bộ, ngành				
3	Vụ (Ban) và tương đương thuộc Bộ, ngành				
4	Đơn vị sự nghiệp công lập				
4.1	Đơn vị sự nghiệp công lập trong Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức				
4.2	Đơn vị sự nghiệp công lập khác				
5	Cục và tương đương thuộc Tổng cục				
6	Vụ và tương đương thuộc Tổng cục				
7	Phòng				
7.1	Phòng thuộc Vụ và tương đương, Thanh tra, Văn phòng				
7.2	Phòng thuộc Cục và tương đương thuộc Bộ				
7.3	Phòng thuộc Cục thuộc Tổng cục và tương đương				
7.4	Phòng thuộc Chi cục				
8	Chi cục				
8.1	Chi cục thuộc Cục thuộc Bộ, ngành				
8.2	Chi cục thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ, ngành				

2. Tổ chức phối hợp liên ngành

STT	Loại hình	Số lượng		Số lượng tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm (%)
		Trước tinh giản	Sau tinh giảm		
1	Tổ chức phối hợp liên ngành do Thủ tướng Chính phủ thành lập				

II. SỐ LIỆU VỀ BIÊN CHẾ, NHÂN SỰ

1. Số biên chế trước và sau tinh giản

STT	Đối tượng	Số lượng		Số lượng tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm (%)
		Trước tinh giản	Sau tinh giảm		
1	Công chức				
2	Viên chức				
3	Tổng số				

2. Số vị trí lãnh đạo, quản lý giảm

STT	Đối tượng	Số lượng trước tinh giảm		Số lượng sau tinh giảm		Số lượng tăng/giảm		Tỷ lệ tăng/giảm (%)	
		Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó
1	Cán bộ diện Bộ Chính trị quản lý								
2	Cán bộ diện Ban Bí thư quản lý								
3	Lãnh đạo cấp Vụ, Cục, Ban								
4	Lãnh đạo cấp phòng								

3. Kết quả thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP

STT	Đối tượng	Số người hưởng chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP			Kinh phí cho người nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (1.000 đồng)		
		Tổng số	Nghỉ hưu trước tuổi	Nghỉ thôi việc	Tổng số	Nghỉ hưu trước tuổi	Nghỉ thôi việc
1	Công chức						
2	Viên chức						
3	Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động trước thời điểm ngày 15/01/2019						
4	Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động được áp dụng chính sách như công chức						
5	Tổng số						

III. SỐ LIỆU VỀ TIẾT KIỆM NGÂN SÁCH

1. Ngân sách nhà nước trước và sau tinh giản

STT	Loại hình	Trước tinh giản		Sau tinh giản		Số lượng tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
		Giá trị	Tỷ lệ so với tổng chi ngân sách	Giá trị	Tỷ lệ so với tổng chi ngân sách		
1	Chi lương						
2	Chi vận hành bộ máy						
3	Chi khác						
4	Tổng chi thường xuyên						

PHỤ LỤC SỐ 02
KẾT QUẢ SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY TẠI ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Công văn số 37/CV-BCĐTKNQ18 ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ)

I. SỐ LIỆU VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC TRƯỚC VÀ SAU TÍNH GỌN TỔ CHỨC BỘ MÁY

1. Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

STT	Loại hình	Số lượng		Số lượng tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm (%)
		Trước tính giản	Sau tính giản		
1	Cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND cấp tỉnh ¹				
2	Tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh				
3	Cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND cấp huyện				
4	Đơn vị sự nghiệp công lập				
4.1	Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp tỉnh				
4.2	Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở				
4.3	Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức hành chính khác ở cấp tỉnh				
4.4	Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Chi cục thuộc Sở				
4.5	Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện				
5	Tổ chức bên trong				
5.1	Phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND cấp tỉnh				
5.2	Phòng và tương đương thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh				

5.3	Chỉ cục và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND cấp tỉnh				
5.4	Chỉ cục và tương đương thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh				

Ghi chú:

¹ Chỉ tính các Sở, ngành, Văn phòng UBND tỉnh, không tính các tổ chức hành chính khác (Văn phòng đoàn ĐBQH, Ban Quản lý Khu kinh tế...)

2. Tổ chức phối hợp liên ngành

STT	Loại hình	Số lượng		Số lượng tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm (%)
		Trước tỉnh giãn	Sau tỉnh giãn		
1	Tổ chức phối hợp liên ngành cấp tỉnh				
2	Tổ chức phối hợp liên ngành cấp huyện				

II. SỐ LIỆU VỀ BIÊN CHẾ, NHÂN SỰ

1. Số biên chế trước và sau tỉnh giãn

STT	Đối tượng	Số lượng		Số lượng tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm (%)
		Trước tỉnh giãn	Sau tỉnh giãn		
1	Công chức				
2	Viên chức				
3	Tổng số				

2. Số vị trí lãnh đạo, quản lý giảm

STT	Đối tượng	Số lượng trước tinh giảm		Số lượng sau tinh giảm		Số lượng tăng/giảm		Tỷ lệ tăng/giảm (%)	
		Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó
1	Cán bộ diện Bộ Chính trị quản lý								
2	Cán bộ diện Ban Bí thư quản lý								
3	Lãnh đạo cấp Sở, Ban								
4	Lãnh đạo cấp phòng								

3. Kết quả thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP

STT	Đối tượng	Số người hưởng chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP			Kinh phí cho người nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (1.000 đồng)		
		Tổng số	Nghỉ hưu trước tuổi	Nghỉ thôi việc	Tổng số	Nghỉ hưu trước tuổi	Nghỉ thôi việc
1	Công chức						
2	Viên chức						
3	Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động trước thời điểm ngày 15/01/2019						
4	Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động được áp dụng chính sách như công chức						
5	Tổng số						

III. SỐ LIỆU VỀ TIẾT KIỆM NGÂN SÁCH

1. Ngân sách nhà nước trước và sau tinh giản

STT	Loại hình	Trước tinh giản		Sau tinh giản		Số lượng tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm (%)
		Giá trị	Tỷ lệ so với tổng chi ngân sách	Giá trị	Tỷ lệ so với tổng chi ngân sách		
1	Chi lương						
2	Chi vận hành bộ máy						
3	Chi khác						
4	Tổng chi thường xuyên						